

LUẬN ĐẠI TRÍ ĐỘ

QUYỂN 63

GIẢI THÍCH PHẨM BỐN MƯỜI MỐT (TIẾP): TIN TƯỚNG, CHÊ BAI

KINH: Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhân, nên khéo nhiếp nghiệp thân miệng ý, không chịu các khổ như vậy: Hoặc không thấy Phật, hoặc không nghe pháp, hoặc không gần gũi Tăng, hoặc sanh trong thế giới không có Phật, hoặc sanh vào nhà bần cùng trong cõi người, hoặc bị người ta không tin thọ lời mình nói.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Vì chất chứa nghiệp miệng, nên có trọng tội phá pháp ấy chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Vì chất chứa nghiệp miệng nên có trọng tội phá pháp ấy.

Tu-bồ-đề! Người ngu si ấy xuất gia thọ giới trong Phật pháp, mà phá Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, chê bai không lãnh thọ.

Tu-bồ-đề! Nếu phá Bát-nhã Ba-la-mật, chê bai Bát-nhã Ba-la-mật, là phá Nhất thiết trí của mười phương chư Phật; phá Nhất thiết trí thì là phá Phật bảo; phá Phật bảo nên phá Pháp bảo; phá Pháp bảo nên phá Tăng bảo. Phá Tam Bảo thì là phá chánh kiến thế gian; phá chánh kiến thế gian là phá bốn niệm xứ, cho đến phá trí nhất thiết chủng; phá trí nhất thiết chủng, thì mắc vô lượng vô biên vô số tội; mắc vô lượng vô biên vô số tội thì chịu vô lượng vô biên vô số ưu khổ.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Người ngu si chê bai phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu có mấy nhân duyên?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Có bốn nhân duyên, người ngu si ấy chê bai phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu.

Tu-bồ-đề thưa: Bạch đức Thế Tôn! Những gì là bốn?

Phật bảo Tu-bồ-đề: Người ngu si ấy bị Ma sai khiến muốn chê bai phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, ấy là nhân duyên đầu. Người ngu si ấy không tin pháp sâu, không tin không hiểu, tâm không được thanh tịnh; ấy là nhân duyên hai. Người ngu si ấy muốn chê bai phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, người ngu si ấy đi theo ác tri thức, tâm chìm đắm lười biếng, chấp chắc năm thọ uẩn, ấy là nhân duyên ba. Người ngu si ấy muốn chê bai phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu. Người ngu si ấy nhiều sân giận, tự cao khinh người, ấy là nhân duyên bốn. Tu-bồ-đề! Vì bốn nhân duyên ấy người ngu si muốn chê bai phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu.

LUẬN: Hỏi: Nghiệp miệng là phá pháp; cớ sao nói nhiếp giữ ba nghiệp thân, miệng, ý?

Đáp: Nghiệp ý là gốc của nghiệp miệng, nếu muốn nhiếp nghiệp miệng, trước phải nhiếp nghiệp ý, nghiệp ý nhiếp, nên nghiệp thân, nghiệp miệng cũng lành, nghiệp thân miệng lành, thì nghiệp ý cũng lành.

Trong đây Tu-bồ-đề nói nhân duyên chẳng chịu các khổ ấy, như là không được thấy Phật v.v... Người đời cho nghiệp thân là nặng, nghiệp miệng là nhẹ, nên Tu-bồ-đề hỏi: Chỉ do nghiệp miệng mà bị tội như thế ư? Phật nhân ý đó, nên khai thị rằng: Người ngu si tự không có việc chi cấp bách, cũng không ai khiến làm, cũng không được gì, mà tự đem lưỡi mình gây tội như vậy, thật là người đại cuồng! Người cuồng ấy đời vị lai, ở trong pháp của Ta xuất gia, người xuất gia có năm chúng, người thọ giới có bảy chúng; người Thanh văn ấy chấp trước pháp Thanh văn. Phật pháp quá năm trăm năm sau, phân biệt ra có năm trăm bộ phái, từ đó trở đi, vì tìm tướng quyết định của các pháp, chấp lấy pháp mình, không biết Phật Vì sự giải thoát nên thuyết pháp, mà cứ chấp chặt ngôn ngữ, nên khi nghe nói Bát-nhã các pháp rất ráo không, thì như dao cắt tâm, đều cho rằng pháp quyết định như vậy, sao nay lại nói không có! Ở nơi Bát-nhã Ba-la-mật không có đặc không có trước tướng, lại đặc lại trước tướng, rồi chê bai phá hoại cho là chẳng phải Phật giáo. Phật vì thương xót chúng sanh nên nói là đạo là phi đạo. Nay trong Bát-nhã thì đạo hay phi đạo, đều là một tướng, tức là vô tướng. Thế nên trước tiên sanh ý nghi ngờ, sau tâm quyết định sanh tà kiến đối với pháp không. Tà kiến đặc lực nên ở giữa đại chúng nơi nơi đều chê bai hủy hoại Bát-nhã Ba-la-mật. Vì hủy hoại Bát-nhã Ba-la-mật nên phá các công đức Nhất thiết trí v.v... của mười phương ba đời chư Phật. Phá công đức Phật tức là phá Tam bảo, phá Tam bảo thì phá nhân duyên an lạc của thế gian,

đó là chánh kiến của thế gian; nếu phá chánh kiến của thế gian thì phá nhân duyên an lạc của xuất thế gian. Chánh kiến của xuất thế gian là bốn niệm xứ, cho đến trí nhất thiết chủng. Pháp ấy là nhân duyên vô lượng vô biên phước đức, phá pháp ấy thì mắc vô lượng vô biên tội. Mắc vô lượng vô biên tội, nên chịu vô lượng vô biên ưu sầu khổ não.

Hỏi: Trước đã nói nhân duyên phá pháp, đó là ái trước pháp, sao Tu-bồ-đề lại còn hỏi?

Đáp: Trước trong luận nói, nay trong kinh nói, trước nói không khắp, nay nói rộng khắp, đó là bốn nhân duyên: Người ấy bị ma sai khiến, hoặc Ma hoặc Ma dân đến vào trong tâm kia, chuyển đổi thân miệng, khiến hủy phá Bát-nhã Ba-la-mật, như Phật ba lần hỏi A-nan cõi Diêm-phù-đề vui, sống lâu cũng vui? Nhưng vì bị Ma vào thân nên ba lần A-nan không đáp lời Phật. A-nan được Sơ quả, còn bị ma quấy hưởng gì người phàm!

Lại nữa, Ma có bốn thứ: Ma ngũ uẩn, Ma phiền não, Ma chết, Ma thiên tử tử tại. Trong bốn loại ma này, phần nhiều là Ma phiền não, Ma thiên tử tử tại, xúi dừng tin Bát-nhã, tham đắm pháp mình, ganh tị pháp khác; ngu si điên đảo nên hay hủy phá Bát-nhã Ba-la-mật.

Có người nói: Nhân duyên đầu là Ma phiền não, nhân duyên thứ tư là Ma thiên tử. Bị hai loại Ma ấy xúi sử nên gọi là Ma sai khiến. Chấp chặt tà kiến tham ái pháp mình, tuệ căn ám độn, không hiểu Phật ý, không tin không thọ Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu, cho nên phá. Người có lợi căn kham tín thọ được, ma không đến được, chỉ có theo lời ác sư nên cũng phá Bát-nhã. Có người tuy thuộc ác tri thức mà kiết sử mỏng, nên siêng tinh tấn, có thể tin Bát-nhã Ba-la-mật. Cho nên hai việc hợp lại làm một, cũng thuộc ác tri thức, cũng đắm sâu năm uẩn, kiết sử dày, tâm sanh lười biếng, cho nên không tin Bát-nhã; người ấy đời đời chứa nhiều sân hận, thành tánh. Tướng trạng của sân là tướng bất tín, người ấy cương cường tự cao, khinh hèn người thuyết pháp, nghĩ rằng: Trí và đức của ta như vậy mà còn không hiểu được, huống chi người ngu si làm sao biết được. Vì tâm sân hận kiêu mạn nhiều ấy nên phá hoại Bát-nhã Ba-la-mật.

KINH: Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, người không siêng tinh tấn, gieo căn bất thiện, tương đắc với bạn ác, thì khó tin khó hiểu.

Phật dạy: Đúng vậy, đúng vậy! Bát-nhã Ba-la-mật thâm sâu ấy, người không siêng tinh tấn, gieo trồng căn bất thiện, tương đắc với bạn ác, thì khó tin khó hiểu.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật ấy Vì sao thâm sâu, khó tin khó hiểu?

Tu-bồ-đề! Sắc chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là thọ, tưởng, hành, thức. Thí Ba-la-mật chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là Thí Ba-la-mật. Giới Ba-la-mật chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là Giới Ba-la-mật. Nhẫn Ba-la-mật ấy chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là Nhẫn Ba-la-mật. Tấn Ba-la-mật chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là Tấn Ba-la-mật. Thiền Ba-la-mật chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là Thiền Ba-la-mật. Bát-nhã Ba-la-mật chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu gì, ấy là Bát-nhã Ba-la-mật?

Tu-bồ-đề! Nội không chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là nội không; cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì tánh không có Tánh sở hữu gì, ấy là vô pháp hữu pháp không. Bốn niệm xứ chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là bốn niệm xứ; cho đến Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì không có tánh sở hữu là Nhất thiết chủng trí.

Tu-bồ-đề, sắc bản tế chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì bản tế, không có tánh sở hữu là sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí nhất thiết chủng bản tế chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì bản tế, không có tánh sở hữu là trí nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề! Sắc hậu tế (đời sau) chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì sắc hậu tế không có tánh sở hữu là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí nhất thiết chủng hậu tế, chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì hậu tế, không có tánh sở hữu gì, ấy là trí nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề! Sắc hiện tại chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì hiện tại, không có tánh sở hữu là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cho đến trí nhất thiết chủng, hiện tại chẳng trói chẳng mở. Vì sao? Vì hiện tại, không có tánh sở hữu là trí nhất thiết chủng.

Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Bát-nhã Ba-la-mật, người không siêng tinh tấn, không trồng căn lành, tương đấcvới bạn ác, giải đãi ít tiến, ưa quên, không có tuệ thiện xảo phương tiện, thật khó tin khó hiểu.

Tu-bồ-đề! Đúng vậy, đúng vậy! Bát-nhã Ba-la-mật ấy, người không siêng tinh tấn, không trồng căn lành, tương đấcvới bạn ác, hệ thuộc với

ma, giải đãi ít tiến, ưa quên, không có tuệ thiện xảo phương tiện, thật khó tin khó hiểu. Vì sao? Vì sắc tịnh, quả cũng tịnh; thọ, tưởng, hành, thức tịnh, quả cũng tịnh; cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tịnh, quả cũng tịnh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Vì sắc tịnh tức Bát-nhã Ba-la-mật tịnh, Bát-nhã Ba-la-mật tịnh tức sắc tịnh; thọ, tưởng, hành, thức tịnh, tức Bát-nhã Ba-la-mật tịnh, Bát-nhã Ba-la-mật tịnh tức thọ, tưởng, hành, thức tịnh; cho đến trí nhất thiết chủng tịnh tức Bát-nhã Ba-la-mật tịnh; ; Bát-nhã Ba-la-mật tịnh tức trí nhất thiết chủng tịnh. Sắc tịnh với Bát-nhã Ba-la-mật tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại; cho đến trí nhất thiết chủng tịnh với Bát-nhã Ba-la-mật tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Không hai tịnh nên sắc tịnh, không hai tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh. Vì sao? Vì không hai tịnh ấy với sắc tịnh, cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, không hai không khác. Vì ngã tịnh, chúng sanh tịnh, cho đến kẻ biết, kẻ thấy tịnh, nên sắc tịnh; thọ, tưởng, hành, thức tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh. Vì sắc tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, nên ngã, chúng sanh, cho đến kẻ biết, kẻ thấy tịnh. Vì sao? Vì ngã, chúng sanh cho đến kẻ biết, kẻ thấy tịnh với sắc tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

LUẬN: Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật rằng: “Bát-nhã Ba-la-mật ấy rất sâu thẳm, người giải đãi, theo ác tri thức, trông giống căn bất thiện, khó tin, còn trái với đây, gọi là tin Bát-nhã Ba-la-mật” Phật chấp nhận lời đó.

Tu-bồ-đề lại hỏi: Bát-nhã Ba-la-mật ấy rất sâu thẳm thế nào nên khó tin?

Phật đáp: Các pháp sắc v.v... không trói không mở. Ba độc là trói, ba cửa giải thoát là mở. Ba độc phiền não ấy hư vọng không thật, do nhân duyên hòa hợp sanh, không có tự tánh cho nên không trói, Vì không trói nên không mở. Phá ba độc nên ba cửa giải thoát cũng không.

Lại nữa, thủ trước các pháp, khởi lên hết thấy điên đảo phiền não là trói. Nếu sự trói có tự tánh nhất định thì không thể mở. Nếu nó thật có nhất định, ai phá được nó. Nếu phá thì bị rơi vào đoạn diệt, còn nếu các phiền não điên đảo thủ tướng, là hư dối không thật, thì cũng không có gì để dứt.

Lại nữa, tất cả tâm tâm số pháp (tức tâm sở) ức tướng phân biệt, thủ tướng, đều bị trói trong các duyên, nếu ở vào trong thật tướng các

pháp, biết chúng đều hư dối, như phẩm trên nói: Tướng trạng của tâm thanh tịnh là chẳng phải tâm tướng. Sự trói ấy “không” nên sự mở cũng không. Có các nhân duyên như vậy, nên các pháp sắc v.v... không trói không mở.

Trong đây Phật tự nói nhân duyên: Các pháp sắc v.v..., là pháp hữu vi tạo tác, do nhân duyên hòa hợp sanh, không có định tánh; nên kinh nói các pháp sắc v.v... không có tánh sở hữu là sắc v.v...

Lại nữa, các pháp sắc v.v... trong ba đời không trói không mở, như đã phá ở đoạn phá ba đời trong Trung luận.

Khi ấy, Tu-bồ-đề, biết Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải sâu thẳm, chẳng phải không sâu thẳm, như trong phẩm sau nói: Nếu bảo Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu thẳm, thì đó là xa lìa Bát-nhã Ba-la-mật. Vì thế nên bạch Phật rằng: Bạch đức Thế Tôn! Người ác cho Bát-nhã Ba-la-mật rất sâu thẳm khó hiểu, người ấy chẳng phải người lành. Người ác không tương ứng với Bát-nhã, không nhất tâm siêng tinh tấn, không gieo trồng thiện căn hiểu Bát-nhã Ba-la-mật, đi theo ác sư phá hoại Bát-nhã. Giải đãi là tham đắm cái vui thế gian, không ưa xuất thế gian, người như thế, nếu có tinh tấn, thì quá ít không đủ nói: Bị các phiền não loạn tâm cho nên ưa quên. Tướng thiện không thiện không phá, kiêu mạn không trừ, tà kiến hý luận, nên tìm thật tướng các pháp, không biết phân biệt tướng các pháp tốt xấu, ấy gọi là không có tuệ thiện xảo phương tiện.

Có các ác pháp như vậy, nên người ấy khó hiểu Bát-nhã sâu thẳm v.v... Phật chấp nhận ý ấy, nên nói: Đúng vậy, đúng vậy.

Hỏi: Trong lời Tu-bồ-đề không có Ma sự, sao trong lời Phật nói lại có thêm chuyện Ma?

Đáp: Tu-bồ-đề nói thẳng nhân duyên trong ngoài không đầy đủ, nay Phật nói đầy đủ rằng: Người ấy bị Ma sai sử. Phật lại muốn nói tướng sâu thẳm khó hiểu, bảo với Tu-bồ-đề: Các pháp sắc v.v... tịnh, nên quả cũng tịnh. Bốn niệm xứ là quả của các pháp sắc v.v.... Vì sao? Vì quán các pháp sắc v.v... bất tịnh, vô thường v.v... đầu tiên được thân niệm xứ. Các niệm xứ khác nói như trên. Trong đó tánh của bốn niệm xứ là vô lậu, dứt hết các phiền não là Niết-bàn, cho nên thanh tịnh. Thấy quả tịnh nên biết nhân cũng tịnh.

Hỏi: Trước nói nhờ quán sắc v.v... bất tịnh, vô thường v.v... được thân niệm xứ, cố sao nay nói quả tịnh nên nhân cũng tịnh?

Đáp: Quán bất tịnh là cửa vào ban đầu, chẳng phải thật quán. Thế nên quán bất tịnh không ở trong mười sáu thánh hạnh. Trong mười sáu thánh hạnh quán vô thường, khổ, không, vô ngã, chẳng phải quán bất

tịnh. Điền đảo chấp tịnh nên sanh dâm dục, phá tịnh nên nói bất tịnh, chứ chẳng phải thật, cho nên quán bất tịnh không đưa vào mười sáu thánh hạnh, nó chỉ được giải quán (Chứ không phải thật quán -N.D)

Trong Bát-nhã không quán thường, không quán vô thường, không quán tịnh, không quán bất tịnh v.v... Thường, vô thường, tịnh, bất tịnh, không thật v.v... các quán hý luận ấy diệt, ấy là thật tướng sắc. Thật tướng sắc vốn tịnh, nên quả cũng tịnh.

Lại nữa, trong đây Phật tự nói nhân duyên: Bát-nhã Ba-la-mật như hư không, rốt ráo thanh tịnh, không có nhiễm ô, ấy là Bát-nhã Ba-la-mật. Quán thật tướng các pháp sắc v.v... chẳng sanh chẳng diệt, tu sáu Ba-la-mật, bốn niệm xứ như vậy có thể được Bát-nhã Ba-la-mật. Bát-nhã Ba-la-mật ấy có ba nhân duyên là chánh quán, chánh hạnh, chánh tu. Thế nên nói Bát-nhã Ba-la-mật tịnh nên các pháp sắc v. v... tịnh; vì các pháp sắc v.v... tịnh, nên Bát-nhã Ba-la-mật tịnh. Vì sao? Vì các pháp sắc v.v... với Bát-nhã Ba-la-mật ở trong thật tướng thì không hai không khác. Vì không dị không biệt, không lìa không tán, nên chẳng dứt chẳng hoại.

Lại nữa, như “Ngã” tìm khắp trong mười phương ba đời, không thể có được, chỉ trong năm uẩn chỉ có giả danh. Chúng sanh cho đến kẻ biết kẻ thấy cũng như vậy.

Giống như “Ngã” là không, không có gì của chính nó, thanh tịnh, nên các pháp cũng như vậy.

KINH: Lại nữa, Tu-bồ-đề! Vì tham tịnh nên sắc tịnh, cho đến trí nhất thiết chủng tịnh. Vì sao? Vì tham tịnh và sắc tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, không hai không khác. Vì sân, si tịnh nên sắc tịnh, cho đến trí nhất thiết chủng tịnh. Vì sao? Vì sân, si và sắc tịnh cho đến trí nhất thiết chủng tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Vì vô minh tịnh nên các hành tịnh, các hành tịnh nên thức tịnh; thức tịnh nên danh sắc tịnh, danh sắc tịnh nên lục nhập tịnh; lục nhập tịnh nên xúc tịnh; xúc tịnh nên thọ tịnh; thọ tịnh nên ái tịnh, ái tịnh nên thủ tịnh; thủ tịnh nên hữu tịnh; hữu tịnh nên sanh tịnh; sanh tịnh nên lão tử tịnh, lão tử tịnh nên Bát-nhã Ba-la-mật tịnh, Bát-nhã Ba-la-mật tịnh nên cho đến Thí Ba-la-mật tịnh; Thí Ba-la-mật tịnh nên nội không tịnh, nội không tịnh nên cho đến vô pháp hữu pháp không tịnh; vô pháp hữu pháp không tịnh nên bốn niệm xứ tịnh; bốn niệm xứ tịnh, nên cho đến Nhất thiết trí tịnh, Nhất thiết trí tịnh, nên Nhất thiết chủng trí tịnh. Vì sao? Vì Nhất thiết trí tịnh và Nhất thiết chủng trí tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Bát-nhã Ba-la-mật tịnh nên sắc tịnh, cho đến Bát-nhã Ba-la-mật tịnh nên Nhất thiết trí tịnh, vì Bát-nhã Ba-la-mật tịnh ấy và Nhất thiết trí tịnh, không hai không khác.

Tu-bồ-đề! Vì Thiên Ba-la-mật tịnh cho đến Nhất thiết trí tịnh; Tấn Ba-la-mật, Nhẫn Ba-la-mật, Giới Ba-la-mật, Thí Ba-la-mật tịnh nên cho đến Nhất thiết trí tịnh; vì nội không tịnh nên cho đến Nhất thiết trí tịnh; vì bốn niệm xứ tịnh nên cho đến Nhất thiết trí tịnh.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Vì hữu vi tịnh nên vô vi tịnh. Vì sao? Vì hữu vi tịnh và vô vi tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

Lại nữa, Tu-bồ-đề! Vì quá khứ tịnh nên vị lai, hiện tại tịnh; vì vị lai tịnh nên quá khứ hiện tại tịnh; vì hiện tại tịnh nên quá khứ vị lai tịnh. Vì sao? Vì hiện tại tịnh và quá khứ vị lai tịnh, không hai không khác, không dứt không hoại.

LUẬN: Hỏi: Phật dạy ba độc là cấu uế bất tịnh; cứ sao trong đây nói vì tham dục v.v... tịnh, nên sắc v.v... cũng tịnh

Đáp: Phật dạy thật tánh của ba độc thanh tịnh, nên các pháp sắc v.v... cũng thanh tịnh. Vì ba độc tịnh và sắc v.v... tịnh, không hai không khác. Muốn nói rộng ba độc thanh tịnh và nhân duyên quả báo của ba độc thanh tịnh, nên nói vì vô minh tịnh nên các hành cũng tịnh.

Vô minh tịnh là vì vô minh rất ráo không, như trong đoạn mười dụ phá vô minh nói. Từ mười hai nhân duyên cho đến trí nhất thiết chủng cũng như vậy. Nên vì sắc v.v... vô minh v.v... các pháp thanh tịnh, nên Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh. Bát-nhã Ba-la-mật thanh tịnh, nên pháp Sở hành của các Bồ-tát như Thiên Ba-la-mật cho đến trí nhất thiết chủng đều thanh tịnh. Thiên Ba-la-mật v.v... cũng như vậy.

Lại nữa, vì mười tám không không nên sắc v.v... cho đến trí nhất thiết chủng không; vì cho đến trí nhất thiết chủng không, nên mười tám không cũng không. Trí nhất thiết chủng không là mười tám không, mười tám không không là trí nhất thiết chủng. Thế nên nói không hai không khác.

Không tức là thanh tịnh. Nay sắc cho đến trí nhất thiết chủng, một pháp làm đầu, các pháp khác mỗi mỗi đều làm đầu, triển chuyển đều thanh tịnh.

Lại nữa, vì các pháp nhiều vô lượng, nên lược nói pháp hữu vi, vô vi. Thật tướng của pháp hữu vi tức là pháp vô vi. Như hành giả thanh tịnh tìm tướng Thường, Lạc, Ngã, Tịnh trong các pháp không thể có được. Nếu không thể có được, ấy là thật biết pháp hữu vi; thật biết không thể có được, tức là pháp vô vi. Thế nên nói pháp hữu vi thanh tịnh nên pháp

vô vi thanh tịnh.

Lại nữa, nhân pháp hữu vi nên biết pháp vô vi; thánh nhân được pháp vô vi ấy, nói tướng pháp hữu vi. Thế nên nói vì pháp hữu vi thanh tịnh nên pháp vô vi thanh tịnh, pháp vô vi thanh tịnh nên pháp hữu vi thanh tịnh. Pháp hữu vi ở trong ba đời, nên nói đời quá khứ thanh tịnh nên đời vị lai cũng thanh tịnh; đời vị lai thanh tịnh nên đời quá khứ cũng thanh tịnh. Vì sao? Vì như đời quá khứ phá hoại tán diệt, không có gì nên không, đời vị lai chưa sanh chưa có nên không, ba đời không có nên hiện tại cũng không có. Vì sao? Vì có trước có sau, mới biết có hiện tại.

Lại nữa, pháp hữu vi niệm niệm sanh diệt, nên không có lúc nào ngưng trụ, lúc ngưng trụ không có, nên không có đời hiện tại. Vì ba đời không, nên pháp hữu vi không, vì pháp hữu vi không nên pháp vô vi không. Không tức là rốt ráo thanh tịnh, không phá không hoại, không hý luận như hư không.

Như vậy Bát-nhã Ba-la-mật rốt ráo thanh tịnh, là pháp tạng của chư Phật ba đời. Vì tội phá hoại ngôn thuyết văn tự có khả năng tuyên thật tướng Bát-nhã ấy, nên đọa địa ngục.

Hỏi: Nếu không tin Bát-nhã bị đọa địa ngục, tin thì được làm Phật. Nếu người phạm năm tội nghịch, phá giới, tà kiến, lừa dối, mà tin Bát-nhã, người ấy có được thành Phật không? Lại có người trì giới, tinh tấn, mà không tin Bát-nhã, tại sao đọa địa ngục?

Đáp: Phá Bát-nhã có hai cách: Bát-nhã chính miệng Phật nói ra, đệ tử tụng tập, chép thành kinh quyển, người ngu báng bỏ rằng: Đó chẳng phải Phật nói, mà là Ma hoặc Ma dân nói, và là thủ bút của người tà kiến chấp đoạn diệt, trau chuốt miệng lưỡi nói ra; hoặc cho rằng tuy là Phật nói song trong đó nơi nơi người khác thêm thắt vào, hoặc có người tâm chấp trước phân biệt, chấp thủ tướng mà nói Bát-nhã Ba-la-mật, miệng tuy nói không, mà tâm đắm hữu. Trong các người phỉ báng ấy, người hủy phá đầu bị đọa vào đại địa ngục, vì không hiểu được ý Bát-nhã của thánh nhân nói; người phá hủy thứ hai là người tâm chấp trước nghị luận nên không gọi là hủy phá Bát-nhã; như ông Điều Đạt làm thân Phật chảy máu, mà thầy thuốc Kỳ Vực cũng làm thân Phật chảy máu, tuy đồng làm chảy máu, mà tâm khác nhau, nên một người mắc tội, một người được phước. Như vẽ tượng Phật, một người vì thấy tượng không đẹp nên phá để vẽ lại, một người vì ác tâm nên phá, do tâm khác nhau nên một người được phước, một người mắc tội. Người phá Bát-nhã Ba-la-mật cũng như vậy.

Lại nữa, hoặc có người phá Bát-nhã, tuy tâm không sân hận, không

khinh Phật, mà chỉ vì tâm ước tưởng phân biệt cho rằng pháp ấy sâu xa do bậc Nhất thiết trí nói, thì lẽ phải có ý nghĩa thâm diệu, chứ sao lại nói tất cả đều không? Phật lấy tâm vô trước, vì độ chúng sanh nên nói pháp, còn người ấy vì tâm chấp trước thủ tướng, nên khởi nghiệp miệng chê bai, phá hoại Bát-nhã, khởi nghiệp thân, lấy tay chỉ chỗ bài bác, chỉ chỗ hủy báng đuổi đi. Trái với hai thứ bất tín này nên gọi là hai thứ tin: 1. Biết thật nghĩa Bát-nhã mà tin, được quả báo như Kinh nói. 2. Tin ngôn ngữ văn tự của Kinh quyển; được công đức ít. Vì tà kiến tội nặng nên tuy thân, khẩu nghiệp trì giới tốt cũng đi theo ác tâm tà kiến; như Phật tự nói thí dụ: Như trồng giống đấng, tuy vẫn do bốn đại tạo thành, vẫn là vị đấng, người tà kiến cũng như vậy, tuy trì giới, tinh tấn, vẫn thành pháp ác. Trái với đây, gọi là chánh kiến, người tạo năm tội nghịch, tội ác thường che, tâm còn nghi ngờ nghiệp báo đời này đời sau, hướng gì tin được Bát-nhã thậm thâm. Tuy chép Kinh quyển cúng dường, mong khỏi tội ác, vẫn cách Bát-nhã rất xa. Hoặc nhờ có nhân duyên thanh tịnh, gặp thiện tri thức, đời trước chứa nhóm phước đức, lợi trí đệ nhất, tin Bát-nhã Ba-la-mật, nên có thể được quả báo như Kinh nói. Như vua A-xà-thế có tội giết cha, mà nhờ Phật và Văn-thù Sư-lợi thiện tri thức, nên trừ được trọng tội, được như Kinh nói quả báo Bát-nhã, là được thọ ký đạo Vô thượng.

-----o0o-----